TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 46/2017/DS-ST
Ngày: 20-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Chí Luận;

Bà Trần Thị T Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thân Thị Trang Nhưng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2017/TLST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Vương Văn M, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 5, khu phố 3, thị trấn TC, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp 6, xã SN, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 6, xã SN, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 6, xã SN, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ông M, bà H, chị L, bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị H trình bày:

Bà có cho chị Huỳnh Thị L và bà Trần Thị T vay tiền các lần cụ thể như sau:

- Ngày 08/11/2015 (DL) vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 28/11/2015 (DL) vay số tiền 40.000.000 đồng; ngày 30/8/2016 (DL) vay số tiền 55.000.000 đồng; ngày 21/8/2016 (DL) vay số tiền 5.000.000 đồng; ngày 30/9/2016 (DL) vay số tiền 24.000.000 đồng. Tất cả các lần vay này có một mình chị L viết giấy nhận nợ và ký tên và sau các lần vay trên chị L, bà T còn vay thêm số tiền 10.000.000 đồng có ghi giấy nợ, nhưng không có ghi ngày tháng.

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 90.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng (tức 09%/tháng/1.000.000 đồng), nhưng không ghi vào giấy nhận nợ. Từ khi vay số tiền trên chị L, bà T không có đóng lãi cho bà số tiền nào cả.

Ngày 25/8/2016 chị L và bà T mượn của bà 03 chỉ vàng 18 kara; ngày 30/8/2016 chị L, bà T mượn của bà 01 đôi bông tay có trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara (99%), không có làm giấy tờ, nhưng bà có đĩa ghi âm chứng M chị L, bà T có mượn vàng.

Ngoài số tiền và vàng chị L, bà T nợ trên, một mình chị L còn nợ bà 07 kỳ hụi với số tiền 7.000.000 đồng, hụi do chị L làm chủ. Phần tiền hụi này chị L có đóng hụi sống cho bà 07 kỳ, mỗi kỳ là 700.000 đồng, tổng cộng là 4.900.000 đồng, tiền đóng hụi là tiền lãi của tiền vay 60.000.000 đồng (gồm vay 01 lần 40.000.000 đồng và 01 lần 20.000.000 đồng).

Tổng cộng chị L, bà T nợ vợ chồng bà số tiền vay là 154.000.000 đồng; 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%); một mình chị L nợ bà 7.000.000 đồng tiền hụi.

Nay bà yêu cầu chị Huỳnh Thị L và bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà số tiền vay gốc 154.000.000 đồng; 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%), đồng thời yêu cầu bà T, chị L trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 154.000.000 đồng tạm tính từ ngày 12/10/2016 đến ngày 12/5/2017 với mức lãi suất 01%/tháng (07 tháng) = 10.780.000 đồng và yêu cầu chị L trả cho bà tiền hụi 7.000.000 đồng. Bà chỉ yêu cầu bà T và chị L trả số nợ trên, không yêu cầu ai khác.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01586/10/2008/QĐ-UBND(HL) do UBND huyện Gò Dầu cấp cho bà Nguyễn Thị L1 là sau khi vay số tiền và vàng trên chị L và bà T mang đến nhờ bà vay giùm số tiền 20.000.000 đồng và giao Giấy chứng nhận QSDĐ trên để làm tin, nhưng bà không vay được tiền và giữ Giấy chứng nhận QSDĐ cho đến nay, chứ không liên quan đến số tiền chị L, bà T nợ bà là 154.000.000 đồng. Bà đồng ý trả lại Giấy chứng nhận QSDĐ, khi nào bà T, chị L trả xong tiền và vàng còn nợ bà.

Ông Vương Văn M trình bày: Ông với bà H là vợ chồng, ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà H, không bổ sung gì thêm.

Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị L trình bày:

Chị thừa nhận có vay tiền của ông M, bà H vào các lần cụ thể: Ngày 30/8/2016 vay 55.000.000 đồng; ngày 30/9/2016 vay 24.000.000 đồng; ngày 28/11/2015 vay 40.000.000 đồng; ngày 21/8/2016 vay 5.000.000 đồng và 10.000.000 đồng có giấy nợ nhưng không ghi ngày tháng. Tất cả các lần vay chị đều có ghi giấy nhận nợ và ký tên; lãi suất thỏa thuận là một ngày 10.000 đồng/1.000.000 đồng (tức 30%/tháng/1.000.000 đồng), nhưng không ghi vào giấy nhận nợ, các khoảng tiền vay trên chị có đóng đủ tiền lãi cho ông M, bà H, nhưng không có ghi giấy giao nhận tiền lãi, cũng không có gì chứng M.

Đối với giấy nợ ngày 08/11/2015 vay 20.000.000 đồng, chị không có vay cũng không biết chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ này là có phải của chị hay không.

Ngoài ra chị có mượn của bà H 01 chiếc lắc vàng 18 kara có trọng lượng 03 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 24 kara (99%) có trọng lượng 01 chỉ như bà H trình bày, khi mượn không làm giấy tờ gì nhưng chị đã trả lại cho bà H số vàng này vào ngày tháng năm nào chị không nhớ, việc trả không có giấy giao nhận và cũng không có gì chứng minh cho việc trả vàng.

Về phần hụi, chị có là chủ dây hụi 1.000.000 đồng/tháng dây hụi gồm 14 phần, bà H tham gia 01 phần. Phần hụi bà H có tham gia nhưng không đóng hụi cho chị nên chị đã loại bà H ra khỏi danh sách tham gia phần hụi này, do đó chị không có nợ tiền hụi như bà H trình bày.

Nay bà H, ông M yêu cầu chị và bà T trả số tiền vay gốc 154.000.000 đồng; 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%) và tiền lãi của số tiền nợ gốc 154.000.000 đồng tạm tính từ ngày 12/10/2016 đến ngày 12/5/2017 với mức lãi suất 01%/tháng (07 tháng) = 10.780.000 đồng; đồng thời yêu cầu chị trả cho bà tiền hụi 7.000.000 đồng thì chị không đồng ý, chị đồng ý một mình trả cho bà H, ông M số tiền vay 134.000.000 đồng vì số tiền trên là do một mình chị nợ bà H, ông M chứ không liên quan đến bà T.

Đối với phần tiền lãi 10.780.000 đồng chị không đồng ý trả cho bà H, ông M vì chị đã đóng tiền lãi cho bà H, ông M nhiều; đối với giấy nợ ngày 08/11/2015 vay 20.000.000 đồng thì chị không có vay cũng không biết chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ này là có phải của chị hay không, chị không yêu cầu giám định; nếu bà H, ông M yêu cầu giám định khi có kết quả là chữ ký, chữ viết của chị thì chị đồng ý trả số tiền này.

Các lời khai tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị T trình bày:

Bà là mẹ ruột của chị Huỳnh Thị L, việc chị L nợ tiền bà H, ông M thì bà biết nhưng chị L vay tiền của ông M, bà H sử dụng làm việc riêng của chị nên không liên quan đến bà. Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của bà H, ông M yêu cầu bà cùng chị L có trách nhiệm trả số tiền vay 154.000.000 đồng; 03 chỉ vàng 18

Kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%) và tiền lãi thì bà không đồng ý, vì bà không có vay tiền của ông M, bà H.

Tiếng nói trong đĩa ghi âm do bà H cung cấp là của bà, nhưng bà khẳng định từ trước đến nay bà không có vay tiền của ông M, bà H lần nào nên không đồng ý yêu cầu của bà H, ông M.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01586/10/2008/QĐ-UBND(HL) do UBND huyện Gò Dầu cấp cho bà Nguyễn Thị L1 là mẹ ruột bà, hiện bà H, ông M đang giữ không liên quan đến số tiền chị L nợ bà H, ông M.

Ngày 03/7/2017 ông Vương Văn M có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ ngày 08/11/2015 có phải của chị Huỳnh Thị L hay không. Ngày 12/7/2017 Tòa án ra quyết định yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tây Ninh giám định chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ ghi ngày 08/11/2017, kết quả xác định chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ ngày 08/11/2015 là của chị Huỳnh Thị L.

Tại phiên tòa bà H, ông M trình bày khi vay 02 bên thỏa thuận lãi suất là 50.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng (tức 5%/tháng/1.000.000 đồng); đối với tiền đóng hụi là tiền do bà H đi làm thuê đóng hụi cho chị L. Nay ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu, yêu cầu chị Huỳnh Thị L và bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông, bà số tiền vay gốc 154.000.000 đồng; 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%), đồng thời yêu cầu bà T, chị L trả tiền lãi suất của số tiền nợ gốc 154.000.000 đồng từ ngày 12/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 01%/tháng và yêu cầu một mình chị L trả cho bà H tiền hụi 7.000.000 đồng. Đối với tiền chi phí giám định thì giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị Huỳnh Thị L thống nhất có vay của bà H, ông M số tiền như ông, bà trình bày, chị thống nhất với kết quả giám định và đồng ý trả cho bà H, ông M số tiền vay gốc 154.000.000 đồng, số tiền này do một mình chị vay không liên quan đến bà T. Đối với 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%), 7.000.000 đồng tiền nợ hụi và tiền lãi chị không đồng ý theo yêu cầu của bà H, ông M; đối với tiền chi phí giám định chị không yêu cầu giám định nên không đồng ý chịu chi phí này.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01586/10/2008/QĐ-UBND(HL) do UBND huyện Gò Dầu cấp cho bà Nguyễn Thị L1 là của bà ngoại chị (bà Liệt), hiện bà H, ông M đang giữ không liên quan đến số tiền chị nợ bà H, ông M.

Bà Trần Thị T không đồng ý yêu cầu của bà H, ông M vì bà không có vay tiền của bà H, ông M.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M đối với chị Huỳnh Thị L.

+ Buộc chị Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M số tiền vay gốc 154.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 12/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm và 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%).

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M yêu cầu chị Huỳnh Thị L trả số tiền nợ hụi 7.000.000 đồng.

+ Không chấp yêu cầu của bà bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M yêu cầu bà Trần Thị T cùng chị Huỳnh Thị L có trách nhiệm trả số tiền vay gốc 154.000.000 đồng, tiền lãi và 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%).

+ Về án phí, chi phí tố tụng: Ông Vương Văn M, bà Đỗ Thị H, chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H, ông Vương Văn M yêu chị Huỳnh Thị L trả số tiền vay gốc 154.000.000 đồng; tiền lãi của số tiền nợ gốc tính từ ngày 12/10/2016 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 01%/tháng và 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%); đồng thời yêu cầu chị Huỳnh Thị L trả tiền nợ hụi 7.000.000 đồng, xét thấy tại phiên tòa chị Huỳnh Thị L thừa nhận có vay của ông M, bà H số tiền gốc 154.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Xét yêu cầu của bà H, ông M yêu cầu chị L trả lại 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%) và tiền hụi 7.000.000 đồng cùng tiền lãi suất của số tiền nợ gốc 154.000.000 đồng từ ngày 12/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 01%/tháng, nhưng không được chị L chấp nhận; xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2017 (bút lục 57) và lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 16/6/2017 (bút lục 62, 63) cũng như tại phiên tòa chị L thừa nhận có mượn của ông M, bà H 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%), nhưng đã trả lại cho bà H, ông M không có biên bản giao nhận cũng không có gì chứng minh cho việc trả; bà H, ông M không thừa nhận đã nhận lại số vàng trên nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà H, ông M buộc chị Huỳnh Thị L trả lại cho bà H, ông M 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%) là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà H, ông M yêu cầu chị L trả lại 07 kỳ hụi với số tiền 7.000.000 đồng, chị L không chấp nhận, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2017 (bút lục 36) chị L thừa nhận bà H có tham gia 01 phần hụi do chị làm chủ, hụi 1.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên do bà H không đóng tiền hụi nên chị đã loại bà H ra khỏi danh sách dây hụi và coi như bà H không có tham gia dây hụi; tại biên bản hòa giải ngày 16/6/2017 (bút lục 62, 63) bà H, ông M trình bày bà có đóng hụi cho

chị L bằng nguồn tiền lãi từ số tiền vay gốc (40.000.000 đồng và 20.000.000 đồng) mà chị L vay của ông, bà; tuy nhiên tại phiên tòa bà H, ông M cho rằng đóng hụi bằng nguồn tiền bà H đi làm thuê và tại đơn khởi kiện cũng như tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2017 (bút lục 34) bà H, ông M cho rằng từ khi vay tiền cho đến nay chị L không trả tiền lãi cho ông, bà. Như vậy lời khai của bà H, ông M từ khi khởi kiện cho đến khi xét xử có mâu thuẫn với nhau, không thống nhất và không chứng minh được có đóng hụi cho chị L nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà H, ông M.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà H, ông M yêu cầu chị L trả số tiền lãi theo mức lãi suất 01%/tháng đối với số tiền nợ gốc 154.000.000 đồng từ ngày 12/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, chị L không đồng ý. Xét thấy, khi các bên giao dịch với nhau thừa nhận có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy nhận nợ và không thống nhất với nhau về lãi suất, do các bên có tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử xem xét tính tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại Quyết định 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, tức 0,75%/tháng. Do đó tiền lãi suất được tính cụ thể như sau: 154.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 11 tháng 08 ngày (từ ngày 12/10/2016 đến 20/9/2017) = 13.013.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của bà H, ông M yêu cầu bà Trần Thị T có trách nhiệm cùng chị Huỳnh Thị L trả số tiền vay gốc 154.000.000 đồng và tiền lãi cùng 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%) nhưng bà T không đồng ý, xét thấy theo các giấy nhận nợ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện chỉ có một mình chị L ký tên nhận nợ, bà T không ký bất kỳ giấy nợ nào; bà H, ông M không cung cấp được chứng cứ nào khác thể hiện bà T có vay tiền của ông, bà nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bà Trần Thị T cùng chị Huỳnh Thị L có trách nhiệm trả số tiền vay gốc 154.000.000 đồng và tiền lãi cùng 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%) cho bà H, ông M.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01586/10/2008/QĐ-UBND(HL) do UBND huyện Gò Dầu cấp cho bà Nguyễn Thị L1 hiện bà H, ông M đang giữ không liên quan đến số tiền vay trong vụ án này, bà L1 cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M, buộc chị Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M số tiền 167.013.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc 154.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền nợ gốc là 13.013.000 đồng và 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%).

Không chấp nhận yêu cầu của bà bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M yêu cầu chị Huỳnh Thị L trả số tiền nợ hụi 7.000.000 đồng.

Không chấp yêu cầu của bà bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M yêu cầu bà Trần Thị T cùng chị Huỳnh Thị L có trách nhiệm trả số tiền vay gốc 154.000.000 đồng, tiền lãi 13.013.000 đồng và 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%).

[4] Về chi phí giám định: Tại kết luận giám định số 50/GT.2017, ngày 17/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ ghi ngày 08/11/2015 là của chị Huỳnh Thị L viết ra nên chị L phải chịu 1.020.000 đồng. Ghi nhận bà H, ông M đã nộp xong chi phí này nên buộc chị Huỳnh Thị L phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H, ông M 1.020.000 đồng.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, Điều 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M đối với chị Huỳnh Thị L.

Buộc chị Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M số tiền nợ gốc 154.000.000 đồng, tiền lãi 13.013.000 đồng, tổng cộng là 167.013.000 (một trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm mười ba nghìn) đồng và 03 chỉ vàng 18 kara, 01 chỉ vàng 24 kara (99%).

Không chấp nhận yêu cầu của bà bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M yêu cầu chị Huỳnh Thị L trả số tiền nợ hụi 7.000.000 đồng.

Không chấp yêu cầu của bà bà Đỗ Thị H và ông Vương Văn M yêu cầu bà Trần Thị T cùng chị Huỳnh Thị L có trách nhiệm trả số tiền vay gốc 154.000.000 đồng; tiền lãi suất 13.013.000 đồng và 03 chỉ vàng 18 Kara, 01 chỉ vàng 24 Kara (99%).

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chị Huỳnh Thị L phải chịu 8.850.150 (tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn, một trăm năm mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đỗ Thị H, ông Vương Văn M phải chịu 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông, bà đã nộp 4.736.000 đồng tại 02 biên lai thu số 0024053 ngày 20 tháng 3 năm 2017 và biên lai thu số 0024229 ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu. Bà H, ông M được được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 4.386.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Chị Huỳnh Thị L phải chịu 1.020.000 (một triệu, không trăm hai mươi nghìn) đồng tiền chi phí giám định và có nghĩa vụ nộp trả lại cho bà H, ông M số tiền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bà Đỗ Thị H, ông Vương Văn M, chị Huỳnh Thị L, bà Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc